

Số: /BC-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy trình soạn thảo văn bản, ngày 08/3/2022 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản số 1281/BNN-TCLN về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) (viết tắt là Nghị định) gửi các bộ và Ủy ban nhân dân 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ (gồm: Thanh Hóa; Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị; Thừa Thiên Huế) là các tỉnh trực tiếp triển khai Nghị định.

Đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nhận được văn bản góp ý của 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổng hợp, nghiên cứu các ý kiến tham gia góp ý dự thảo Nghị định và trân trọng báo cáo Bộ Tư pháp về kết quả tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Nghị định như sau:

I. TỔNG HỢP CHUNG

Tất cả các tỉnh đều có ý kiến thống nhất với việc Bộ Nông nghiệp và PTNT trình Chính phủ ban hành Nghị định; thống nhất với bố cục và nội dung của hồ sơ dự thảo Nghị định. Trong đó: 02 tỉnh Thanh Hóa và Thừa Thiên Huế hoàn toàn thống nhất, không có ý kiến khác; 04 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị có bổ sung một số ý kiến đề nghị điều chỉnh nội dung một số điều của dự thảo Nghị định.

II. NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

1. Về định mức chi

Tỉnh Nghệ An có đề nghị điều chỉnh quy định từ mức khoán tối thiểu cho khoán bảo vệ rừng thành mức khoán tối đa bằng 2 lần mức hỗ trợ trung bình của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng trên cùng địa bàn cấp tỉnh.

Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung tại điểm a khoản 3, Điều 3 của dự thảo Nghị định như sau: “a) Đối với khoán bảo vệ rừng: Mức khoán tối thiểu bằng mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng trên địa bàn, mức khoán tối đa bằng 2 lần mức hỗ trợ trung bình của

ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng trên cùng địa bàn cấp tỉnh; mức khoán cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định”.

2. Về đối tượng hưởng lợi và nội dung được chi trả

Tỉnh Hà Tĩnh có đề nghị bổ sung cụm từ “tổ chức, hộ gia đình, cá nhân” sau cụm từ “cộng đồng dân cư” tại điểm c khoản 2 Điều 5; đề nghị bổ sung nội dung được chi trả “e) Trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng” tại khoản 1 Điều 6.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và giải trình như sau:

Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 là cộng đồng dân cư có tham gia hoạt động quản lý rừng. Đối với chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình cá nhân, cộng đồng đã được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Đối với nội dung chi đề nghị bổ sung tại khoản 1 Điều 6 đã được quy định tại điểm a khoản 3 điều 8 dự thảo Nghị định quy định đối với chủ rừng là tổ chức.

3. Về xác định số tiền chi trả

Tỉnh Quảng Trị có góp ý về điều chỉnh, bổ sung nội dung quy định về căn cứ xác định diện tích rừng chi trả tại điểm b khoản 1 Điều 7 “Kết quả điều tra, kiểm kê rừng theo chu kỳ; kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm” điều chỉnh thành “Kết quả kiểm tra, xác định diện tích rừng chi trả hàng năm của các cơ quan: Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, cơ quan Kiểm lâm, chủ rừng, UBND xã”; tỉnh Nghệ An có góp ý bổ sung thêm tiêu chí xác định số tiền điều phối cho địa phương là “Tương ứng với tỷ trọng giảm phát thải và diện tích rừng tự nhiên của tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ”.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và giải trình như sau:

Đối với kiến nghị của Tỉnh nêu trên về căn cứ xác định diện tích rừng được chi trả nêu trên, nội dung này đã áp dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Đối với nội dung bổ sung tiêu chí xác định số tiền điều phối cho địa phương đã được quy định tại khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định này.

4. Về chia sẻ lợi ích từ ERPA

Tại điểm khoản 3 Điều 8 (quy định về chia sẻ lợi ích tại chủ rừng là tổ chức), có một số ý kiến đề nghị bổ sung đối tượng hưởng lợi gồm “lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng”, “tổ chức, hộ gia đình, cá nhân” và phân bổ kinh phí “theo hướng chi cho cộng đồng 50%, bao gồm cả 2% chi cho UBND xã và chi cho lực lượng tham gia bảo rừng chuyên trách của chủ rừng là 50%”.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và giải trình như sau:

- Do kinh phí bảo đảm cho các hoạt động của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng đã được quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng vì vậy không bổ sung nội dung chi cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng.

- Đối với chủ rừng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý rừng tự nhiên thì họ đã thuộc đối tượng hưởng lợi theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 5 dự thảo Nghị định này.

5. Về lập kế hoạch chia sẻ lợi ích

Tỉnh Nghệ An có đề nghị điều chỉnh quy định tại khoản 3 Điều 9, căn cứ “số tiền thực nhận từ ...” thành “số tiền thông báo điều phối của ...” và tỉnh Quảng Trị có đề nghị quy định rõ đối tượng “chủ rừng là tổ chức” và “tổ chức khác”.

Đối với đề nghị điều chỉnh quy định tại khoản 3 Điều 9, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và đã điều chỉnh tại điểm b khoản 3 như sau: “Căn cứ số tiền thông báo điều phối từ ...”

Đối với đề nghị quy định rõ đối tượng “chủ rừng là tổ chức” và “tổ chức khác”, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì: “chủ rừng là tổ chức” được quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp; “tổ chức khác” thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp “c) Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật.”

6. Về giải ngân, thanh toán

Tỉnh Nghệ An có đề nghị bổ sung quy định về thời hạn giải ngân/điều phối từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ cấp tỉnh và chủ rừng là tổ chức; đề nghị điều chỉnh hình thức chi trả đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng từ thực hiện chi trả qua tài khoản ngân hàng, giao dịch điện tử hoặc hệ thống bưu điện thành “khuyến khích, ưu tiên thanh toán qua tài khoản ngân hàng, giao dịch điện tử hoặc hệ thống bưu điện”; tỉnh Quảng Trị đề nghị bổ sung thêm hình thức chi trả bằng tiền mặt đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và điều chỉnh như sau:

- Đối với quy định về thời hạn giải ngân: tiếp thu và bổ sung quy định tại khoản 1 “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thời gian thanh toán*”; tại điểm a khoản 2 “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng và thời gian thanh toán*”

- Đối với quy định về hình thức chi trả: đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định để đảm bảo tính minh bạch trong thanh toán. Trên thực tế việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản thời gian qua đã được triển khai trên toàn quốc và không gặp bất cập hay khó khăn.

7. Về các mốc thời gian thực hiện quyết toán

Tỉnh Nghệ An có đề nghị điều chỉnh lại một số mốc thời gian thực hiện quyết toán hằng năm, quyết toán kết thúc ERPA quy định tại Điều 12 đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định vì, các mốc thời gian quy định trong dự thảo Nghị định là các mốc thời gian quy định về quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng (hiện đang thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp).

8. Các ý kiến khác

Ngoài các ý kiến nêu trên, có một vài ý kiến khác về điều chỉnh từ ngữ, cụm từ, phụ lục của dự thảo Nghị định và Tờ trình: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nghiêm túc tiếp thu, giải trình theo phụ lục gửi kèm.

(Chi tiết ý kiến tiếp thu, giải trình theo phụ lục gửi kèm theo)

Trên đây là tổng hợp báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với ý kiến của các địa phương về dự thảo Nghị định của Chính phủ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Phụ lục

**TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
VỀ CHUYỂN NHƯỢNG KẾT QUẢ GIẢM PHÁT THẢI VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH THỎA THUẬN CHI TRẢ GIẢM
PHÁT THẢI VÙNG BẮC TRUNG BỘ**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNN-TCLN, ngày / /2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
A	TỔNG HỢP DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH			
I	GÓP Ý CHUNG			
1	Về hồ sơ dự thảo Nghị định	Hoàn toàn thống nhất với bố cục, nội dung các dự thảo kèm theo Công văn số 1271/BNN-TCLN ngày 08/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, gồm: (1) Tờ trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT; (2) Nghị định của Chính phủ về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA; (3) Báo cáo đánh giá tác động chính sách.	Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa, VB số 886/SNN&PTNT-BQLQ ngày 16/3/2022	Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến
2		Cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung dự thảo Nghị định của Chính phủ về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA và Tờ trình Chính phủ mà cơ quan soạn thảo đã biên soạn.	UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022	Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến
3		Thống nhất với dự thảo Nghị định của Chính phủ về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA.	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, VB số 431/SNN-KL ngày 15/3/2022	Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến
4		Cơ bản thống nhất với các nội dung bản dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định; dự thảo Nghị định	UBND tỉnh Quảng Bình, VB số	Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		của Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo.	409/UBND-KT ngày 18/3/2022	
5		Cơ bản thống nhất với bố cục và nội dung bản dự thảo Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ do Bộ Nông nghiệp và PTNT dự thảo.	Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị, VB số ngày 540/SNN-KHTC Ngày 16/3/2022	Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến
6		Thống nhất với dự thảo Nghị định của Chính phủ về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính ERPA do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì soạn thảo.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, VB số 2563/UBND-NN, ngày 17/3/2022	Bộ NN&PTNT tiếp thu ý kiến
II	GÓP Ý CỤ THỂ			
1	Điều 1	Không có ý kiến		
2	Điều 2	Không có ý kiến		
3	Điều 3	- Điểm a khoản 3, Điều 3 Đối với khoản bảo vệ rừng: ... Mức khoán tối thiểu bằng 1,5 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng theo đối tượng nhận khoán trên cùng địa bàn cấp tỉnh. Đề nghị sửa thành: Đối với khoản bảo vệ rừng ... Mức khoán tối đa bằng 2 lần mức hỗ trợ trung bình của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng trên cùng địa bàn cấp tỉnh.	UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và điều chỉnh lại như sau <i>“a) Đối với khoản bảo vệ rừng: Mức khoán tối thiểu bằng mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng trên địa bàn, mức khoán tối đa bằng 2 lần mức hỗ trợ trung bình của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng trên cùng địa bàn cấp tỉnh; mức khoán cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định”.</i>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
				Quy định mức tối thiểu để đảm bảo quyền lợi cho cộng đồng tham gia, mức tối đa áp dụng theo nội dung chi trả DVMTR của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
4	Điều 4	<p>- Khoản 4 Điều 4 quy định: Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế chuyển giao lại khoảng 95% lượng giảm phát thải ký kết.... Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam.</p> <p>Đề nghị sửa thành: Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế chuyển giao lại <i>tối thiểu</i> 95% lượng giảm phát thải ký kết Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam</p>	UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Nội dung này quy định theo Mục 4.02 của ERPA đã ghi là “ <i>khoảng</i> ”
5	Điều 5	- Tại điểm c, Khoản 2, Điều 5 bổ sung cụm từ “tổ chức, hộ gia đình, cá nhân” sau cụm từ “cộng đồng dân cư”.	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, VB số 431/SNN-KL ngày 15/3/2022	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì đối tượng này quy định đối với cộng đồng dân cư có tham gia hoạt động quản lý rừng với chủ rừng là tổ chức; tổ chức, hộ gia đình cá nhân, cộng đồng là chủ rừng đã được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.
6	Điều 6	- Tại Khoản 1, Điều 6. Các nội dung được chi trả đề nghị bổ sung thêm điểm “e) Trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, VB số 431/SNN-KL ngày	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo: Nội dung chi này đã được quy định tại điểm a khoản 3

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		cháy rừng”.	15/3/2022	điều 8 dự thảo Nghị định quy định đối với chủ rừng là tổ chức. Theo đó, nội dung chi quy định tại điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
7	Điều 7	Khoản 2 Điều 7 đề nghị sửa thành: Bổ sung thêm tiêu chí xác định số tiền điều phối cho địa phương là “Tương ứng với tỷ trọng giảm phát thải và diện tích rừng tự nhiên của tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ”.	UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì đây là các tiêu chí đã được quy định tại khoản 2 Điều 7 và xác định tại khoản 3 điều 7 dự thảo Nghị định đã phù hợp để triển khai thực hiện.
		- Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 7 của dự thảo Nghị định quy định căn cứ xác định diện tích rừng chi trả căn cứ “Kết quả điều tra, kiểm kê rừng theo chu kỳ; kết quả theo dõi diễn biến rừng hằng năm” là chưa đầy đủ, thiếu thông tin, dễ chi sai cho các đối tượng... Vì vậy, nội dung này đề nghị bổ sung thêm “Kết quả kiểm tra, xác định diện tích rừng chi trả hàng năm của các cơ quan: Quỹ bảo vệ và PTR, cơ quan Kiểm lâm, chủ rừng, UBND xã”.	Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị, VB số ngày 540/SNN-KHTC Ngày 16/3/2022	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì căn cứ xác định diện tích rừng đã áp dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
8	Điều 8	- Điểm b khoản 3 Điều 8 đề nghị sửa “Số tiền còn lại 90%, chủ rừng ưu tiên chi trả cho các hoạt động quản lý rừng có sự tham gia, trong đó tối đa 2% chi cho.....kèm theo Nghị định này.” thành Đề nghị sửa thành: “Số tiền còn lại 90%, chủ rừng ưu tiên chi trả cho các hoạt động quản lý rừng có sự tham gia và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng, trong đó tối đa 2% chi cho kèm theo Nghị định	UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, không bổ sung nội dung chi cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng do kinh phí bảo đảm cho các hoạt động của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng đã được quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		ngày.		số 01/2019/NĐ-CP ngày ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.
		- Tại điểm b, Khoản 3, Điều 8, đề nghị bổ sung cụm từ “tổ chức, hộ gia đình, cá nhân” sau cụm từ “cộng đồng dân cư”.	Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh, VB số 431/SNN-KL ngày 15/3/2022	Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị giữ nguyên như dự thảo do: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nếu là chủ rừng được giao quản lý rừng tự nhiên thì họ đã thuộc đối tượng hưởng lợi theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 5 dự thảo Nghị định.
		<p>- Điểm b, khoản 3, Điều 8 quy định: Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý, chủ rừng ưu tiên chi trả cho các hoạt động quản lý rừng có sự tham gia, trong đó tối đa 2% chi cho Ủy ban nhân dân cấp xã có cộng đồng dân cư tham gia quản lý rừng theo thỏa thuận tham gia hoạt động quản lý rừng. Phần còn lại được chi trả cho các hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định này. Quản lý rừng có sự tham gia theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.</p> <p>Đề nghị sửa đổi thành: Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý, chủ rừng ưu tiên chi trả cho các hoạt động quản lý rừng có sự tham gia và <i>chi trả trực tiếp cho lực lượng tham gia bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng</i>, trong đó tối đa 2% chi cho Ủy ban nhân dân cấp xã có cộng đồng dân cư tham gia quản lý rừng theo thỏa thuận tham gia hoạt động quản lý rừng (<i>theo hướng chi cho cộng đồng 50%, bao gồm cả 2% chi cho UBND xã và chi cho lực lượng tham gia bảo vệ rừng chuyên</i></p>	UBND tỉnh Quảng Bình, VB số 409/UBND-KT ngày 18/3/2022	Dự thảo quy định để ưu tiên cho cộng đồng dân cư tham gia hoạt động quản lý rừng.

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p><i>trách của chủ rừng là 50%</i>). Phần còn lại được chi trả cho các hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định này. Quản lý rừng có sự tham gia theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.</p>		
9	Điều 9	<p>- Điểm b khoản 3 Điều 9 quy định: Căn cứ “<i>số tiền thực nhận từ</i>” Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính năm theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định này báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ... Đề nghị sửa thành: Căn cứ “<i>số tiền thông báo điều phối của</i>” Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính năm theo Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định này báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ...</p>	<p>UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến và sửa vào điểm b khoản 3 “<i>Căn cứ số tiền thông báo điều phối từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính năm theo ...</i>”</p>
		<p>- Tại Điểm c, Khoản 3, Điều 9: “<i>Chủ rừng là tổ chức</i>”; và Điểm d, Khoản 3, Điều 9: “<i>Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác</i>”. Đề nghị bổ sung, quy định rõ “<i>tổ chức khác</i>” này là đối tượng nào để tránh sự mập mờ, gây khó hiểu khi thực hiện.</p>	<p>Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị, VB số ngày 540/SNN-KHTC Ngày 16/3/2022</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo do: “<i>chủ rừng là tổ chức</i>” được quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp; “<i>tổ chức khác</i>” thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp “<i>c) Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật.</i>”</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
10	Điều 10	<p>- Điều 10 chưa có thời hạn giải ngân/điều phối từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam, Quỹ cấp tỉnh, Chủ rừng là tổ chức. Đề nghị quy định về thời hạn giải ngân/điều phối,</p>	<p>UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022</p>	<p>Tiếp thu, quy định bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung khoản 1: “<i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thời gian thanh toán</i>” - Bổ sung điểm a khoản 2 “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng và thời gian thanh toán</i>” <p>Lý do: Việc xác định tiền chi trả được xác định trên cơ sở kết quả giảm phát thải và diện tích rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí IBRD sẽ thực hiện chi trả dựa trên báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT về kết quả giảm phát thải theo 03 giai đoạn: 2018 - 2019; 2020 - 2022 và 2023 – 2024 - Diện tích rừng tự nhiên hàng năm được xác định trên cơ sở kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm. <p>Vì vậy cần quy định giao cho cấp có thẩm quyền quy định về thời gian giải ngân.</p>
10	Điều 10	<p>Điểm b khoản 3 Điều 10 quy định: Hình thức chi trả - Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả qua tài</p>	<p>UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính minh bạch trong thanh toán. Trên thực tế việc chi trả</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		khoản ngân hàng. - Đối với cộng đồng dân cư thực hiện chi trả qua tài khoản ngân hàng, giao dịch điện tử hoặc hệ thống bưu điện. Đề nghị sửa thành: Hình thức chi trả: Khuyến khích, ưu tiên thanh toán qua tài khoản ngân hàng, giao dịch điện tử hoặc hệ thống bưu điện		DVMTR qua tài khoản đã được triển khai trong toàn quốc.
		- Tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 của dự thảo Nghị định quy định hình thức chi trả: “ <i>Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện chi trả qua tài khoản ngân hàng, giao dịch điện tử hoặc hệ thống bưu điện</i> ”, trong khi đó với tình hình thực tế là đối tượng là các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn dân cư là đồng bào dân tộc, ở vùng xa xôi hẻo lánh, đặc biệt khó khăn; khó tiếp cận với các trụ sở ngân hàng và cột ATM cũng như các hệ thống bưu điện... trong khi số tiền được nhận lại rất thấp (do diện tích rừng nhỏ). Vì vậy, để thuận lợi khi triển khai công tác chi trả cho các đối tượng này đề nghị bổ sung thêm hình thức chi trả bằng tiền mặt vào dự thảo Nghị định.	Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị, VB số ngày 540/SNN-KHTC Ngày 16/3/2022	
11	Điều 11	Không có ý kiến		
12	Điều 12	Đề nghị sửa các mốc thời gian về lập, điều chỉnh, nộp báo cáo quyết toán. - Điểm d khoản 1 Điều 12 đề nghị sửa thành: Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng; khóa sổ kế toán vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, lập báo cáo quyết toán theo Mẫu số 04 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này, lập và điều chỉnh báo	UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, các mốc thời gian quy định trong dự thảo Nghị định là các mốc thời gian quy định về quyết toán tiền DVMTR tại khoản 4 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>cáo quyết toán đến ngày 15 tháng 6 năm sau, nộp Ủy ban nhân dân huyện thẩm định, xét duyệt trước ngày 30 tháng 6 năm sau. Sau khi được thẩm định, xét duyệt, trước ngày 10 tháng 7 năm sau Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng nộp Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có cộng đồng dân cư tham gia quản lý rừng theo thỏa thuận nộp chủ rừng là tổ chức 01 bản kết quả thẩm định, xét duyệt để tổng hợp.</p> <p>- Điểm c khoản 1 Điều 12 đề nghị sửa thành: Chủ rừng là tổ chức khóa sổ kế toán lập và điều chỉnh báo cáo quyết toán đến ngày 15 tháng 7 năm sau, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng trước ngày 30 tháng 7 năm sau. Sau khi được thẩm định, xét duyệt, trước ngày 10 tháng 8 năm sau nộp Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh 01 bản kết quả thẩm định, xét duyệt để tổng hợp.</p> <p>- Điểm b khoản 1 Điều 12, đề nghị sửa thành: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh khóa sổ kế toán vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, thẩm định, xét duyệt trước ngày 15 tháng 8 năm sau.</p> <p>- Điểm b khoản 2, Điều 12, đề nghị sửa thành: Trước ngày 15 tháng 8 năm sau năm kết thúc, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh lập báo cáo quyết toán ... thẩm định, xét duyệt.</p>		<p>chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
13	Điều 13	Không có ý kiến		
14	Điều 14	Không có ý kiến		
15	Điều 15	Không có ý kiến		
16	Điều 16	Không có ý kiến		
17	Điều 17	Không có ý kiến		
III	PHỤ LỤC			
		<p>- Điểm b, Mục 3, Phụ lục II</p> <p>Xác định số tiền chi trả:</p> <p>Công thức xác định số tiền chi trả chưa đưa lãi phát sinh (nếu có) khi tiền tồn tại Ngân hàng.</p> <p>Đề nghị hướng dẫn sử dụng đối với tiền lãi ngân hàng phát sinh.</p>	UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến và sửa vào điểm a khoản 2 “a) Được trích tối đa 10% tổng số tiền được điều phối, lãi tiền gửi (nếu có) để chi cho các nội dung quy định tại...”
A	DỰ THẢO TỜ TRÌNH			
1		<p>- Trích yếu nội dung Tờ trình: Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ.</p> <p>Đề nghị sửa thành: Về việc ban hành Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ.</p> <p>- Toàn Văn bản: Cần thống nhất cách viết: cacbon, các-bon.</p> <p>- Nội dung cuối cùng: Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị</p>	UBND tỉnh Nghệ An, VB số 1736/UBND-NN ngày 17/3/2022	<p>- Về trích yếu nội dung Tờ trình: đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, vì nội dung trích yếu đã theo mẫu chung của loại hình văn bản này.</p> <p>- Về thống nhất cách viết: Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và đã chỉnh lý vào dự thảo Nghị định.</p> <p>- Về nội dung cuối cùng: đề nghị giữ</p>

TT	Mục	Nội dung góp ý	Cơ quan	Tiếp thu, giải trình
		<p>định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.</p> <p>Đề nghị sửa thành: Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị định về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.</p>		<p>nguyên như dự thảo Nghị định, vì nội dung ý kiến đã theo mẫu chung của loại hình văn bản này.</p>

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN